TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 12 - 2021
V/v: *ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Quang

Ông Trần Công Đẳng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hên – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2021/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 về ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Mỹ T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn S, huyện T, tỉnh CM (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trịnh Hoàng Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp 3, xã NP, huyện U M, tỉnh CM (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/5/2021 và biên bản ghi ný kiến đương sự ngày 26/10/2021 bà Ngô Mỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông Đtự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh CM. Trong thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng

ngày, dẫn đến cự cãi nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, Bà T và ông Đ thấy cuộc sống không hạnh phúc nên đã ly thân và yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Ngô Thanh Tu, sinh ngày 26/3/2010, hiện tại do Bà T nuôi dưỡng, Bà T yêu cầu sau khi ly hôn bà được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tu, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu Tu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Ông Trịnh Hoàng Đ được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Bà T và vắng mặt.

- *Tại biên bản ghi ý kiến ngày 26/10/2021 cháu Ngô Thanh Tu trình bày:* Cháu Tu từ nhỏ đến nay sống chung với mẹ và muốn được tiếp tục ở với mẹ.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của Thẩm phán thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Quan điểm giải quyết đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; về hôn nhân chấp nhận cho bà Ngô Mỹ T ly hôn với ông Trịnh Hoàng Đ; về con chung giao cháu Ngô Thanh Tu, sinh ngày 26/3/2010 cho bà Ngô Mỹ T nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; về án phí áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Mỹ T khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung đối với ông Trịnh Hoàng Đ, địa chỉ cư trú ấp 3, xã NP, huyện U M, tỉnh CM, theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Ngô Mỹ T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Trịnh Hoàng Đ đươc Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, xét xử vắng mặt Bà T và ông Đ theo quy định tại khoản 1 và khoản 3

Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung giữa bà Ngô Mỹ T và ông Trịnh Hoàng Đ là có căn cứ.

[3] Về hôn nhân: Bà Ngô Mỹ T và ông Trịnh Hoàng Đ tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa Bà T và ông Đ là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa Bà T và ông Đ đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân, Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập nhiều lần nhưng ông Đ vắng mặt, ông Đ cũng không có ý kiến về việc Bà T yêu cầu ly hôn. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa Bà T và ông Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho Bà T và ông Đ ly hôn.

[4] Về con chung: Cháu Ngô Thanh Tu, hiện tại do Bà T nuôi dưỡng, Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Nguyện vọng cháu Tu được Bà T nuôi dưỡng nên ghi nhận nguyện vọng của cháu. Mặt khác ông Đ cũng không có ý kiến gì đến yêu cầu của Bà T về việc được nuôi dưỡng cháu Tu. Do đó, tiếp tục giao cháu Tu cho Bà T nuôi dưỡng là đảm bảo cho cháu có điều kiện phát triển bình thường, ổn định về tâm lý, tình cảm. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Tu không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ngô Mỹ T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Tu nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không xem xét.

[7] Về nợ chung: Không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm:

Bà Ngô Mỹ T phải chịu 300.000 đồng, Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006310 ngày 14/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Trịnh Hoàng Đ không phải chịu án phí

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 220; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 58 ; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Ngô Mỹ T với ông Trịnh Hoàng Đ.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Thanh Tu, sinh ngày 26/3/2010 cho bà Ngô Mỹ T nuôi dưỡng, cháu Tu đang do Bà T nuôi dưỡng, Bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Trịnh Hoàng Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Tu không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí:

+ Bà Ngô Mỹ T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006310 ngày 14/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu.

Ông Trịnh Hoàng Đ không phải chịu án phí

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Ngô Mỹ T và ông Trịnh Hoàng Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- UBND thị trấn Sông Đốc, H. TVT. Cà Mau;
-Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Thanh Nguyễn